

Bản án số: 04/2018/HSST

Ngày 29/01/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Văn Liêm.

Ông Lý Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân – Thư ký Tòa án thành phố Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Bé Thị Trâm - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 29 /01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2017/HSST ngày 26/12/2017, đối với bị cáo:

Bùi Văn T (tên gọi khác : Bùi Duy C) – Sinh ngày 01/10/1973, tại Bắc Kạn;

Nơi cư trú: Tổ A, phường B, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Bùi Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 04/7/2006 bị Công an thị xã Bắc Kạn xử phạt hành chính về hành vi “*Gây rối trật tự công cộng*”. Ngày 26/12/2006 bị TAND thị xã Bắc Kạn xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”; bị bắt, tạm giam từ ngày 08/6/2017 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:*

1, Triệu Văn Q - sinh năm 1986;

Trú tại: Thôn C, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2, Hoàng Văn A – sinh năm 1993;

Trú tại: Tổ I, phường G, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9h30' ngày 08/6/2017, tổ công tác của Công an thành phố Bắc Kạn làm nhiệm vụ tại khu vực tổ H, phường K, thành phố Bắc Kạn, thì phát hiện và bắt quả tang Triệu Văn Q và Hoàng Văn A đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ của A 01 gói chất bột màu trắng có trọng lượng 0,04 gam và 01 xi lanh, 01 lọ nước cất chưa qua sử dụng; thu giữ của Q 01 gói chất bột màu trắng có trọng lượng 0,03 gam và 01 xi lanh, 01 lọ nước cất chưa qua sử dụng.

Hoàng Văn A và Triệu Văn Q khai nhận 02 gói chất bột màu trắng bị thu giữ là ma túy (hê rô in) do trước đó vào khoảng 8h ngày 08/6/2017 A và Q cùng góp tiền mỗi người 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) mua của B V T nhà ở tổ A, phường B, thành phố Bắc Kạn đem về sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện và thu giữ. Ngoài ra Q và A còn khai nhận trước đó còn được mua ma túy với Bùi Văn T 02 lần. Cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 8h ngày 06/6/2017 Q và A cùng nhau góp tiền mỗi người 100.000^d (*Một trăm nghìn đồng*) đến nhà T mua 01 gói ma túy (hê rô in) với giá 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) rồi cả hai đem đi sử dụng hết.

- Lần 2: Khoảng 8h ngày 07/6/2017 Q và A cùng nhau góp tiền mỗi người 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) đến nhà T mua 01 gói ma túy (hê rô in) với giá 400.000^d (*Bốn trăm nghìn đồng*) rồi cả hai đem đi sử dụng hết.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố F tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Bùi Văn T thu giữ trong nếp quần của T đang mặc có 02 gói chất bột màu trắng có

trọng lượng là 0,19gam, thu giữ trên nóc tủ tại phòng ngủ của T 01 gói chất bột màu trắng có trọng lượng là 0,12gam, 15 chiếc xi lanh nhựa chưa qua sử dụng, 05 vỏ xi lanh nhựa đã bị xé rách, 24 lọ nước cất chưa qua sử dụng; thu giữ tại nền nhà 05 gói chất bột màu trắng và 01 túi ni lon màu trắng bên trong có chứa 07 gói chất bột màu trắng có trọng lượng là 1,13gam; số tiền 430.000^d (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 97B1-476.56 và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên N T H.

Tại cơ quan điều tra Bùi Văn T khai nhận được bán trái phép ma túy cho Triệu Văn Q và Hoàng Văn A ba lần. Cụ thể như sau:

- Lần 1: Khoảng 9h00' ngày 06/6/2017, T đang ở nhà thì Q gọi điện đến số di động của T để hỏi mua ma túy, T đồng ý và hẹn gặp Q tại nhà T. Một lúc sau thì Q và A đến, T đưa cho Q 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) T cầm tiền và đưa cho Q 01 gói ma túy (hê rô in), rồi T đi vào nhà còn Q và A đi đâu không rõ.

- Lần 2: Khoảng 9h00' ngày 07/6/2017, T đang ở nhà thì Q gọi điện đến số di động của T để hỏi mua ma túy, T đồng ý và hẹn gặp Q tại nhà T. Một lúc sau thì Q và A đến, Q đưa cho T 400.000^d (*Bốn trăm nghìn đồng*) T cầm tiền và đưa cho Q 02 gói ma túy (hê rô in), rồi T đi vào nhà còn Q và A đi đâu không rõ.

- Lần 3: Khoảng 9h00' ngày 08/6/2017 T đang ở nhà thì Q gọi điện đến số di động của T để hỏi mua ma túy, T đồng ý và hẹn gặp Q tại nhà T. Một lúc sau thì T thấy Q và A đi đến đoạn đường cách nhà T khoảng 100m, T liền sử dụng xe mô tô BKS 97B1-476.56 của vợ là chị N T H đi đến gặp Q và A. Tại đây Q đưa cho T 400.000^d (*Bốn trăm nghìn đồng*) T cầm tiền và đưa cho Q 02 gói ma túy (hê rô in), rồi T đi về nhà còn Q và A đi đâu không rõ.

Lời khai của Bùi Văn T phù hợp với lời khai của Triệu Văn Q và Hoàng Văn A và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản kết luận giám định số 86/KTHS-MT ngày 28/6/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: *Mẫu chất bột màu trắng thu giữ của*

Triệu Văn Q , Hoàng Văn A và Bùi Văn T trong 05 phong bì ký hiệu M1, M3, M5, M7 và M9 gửi đến giám định là chất ma túy, loại hê rô in.

Với các hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 01/KSĐT ngày 25/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 194/BLHS.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

a,.....

b, Phạm tội nhiều lần.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 07 năm đến 08 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 08/6/2017. *Về vật chứng:* Đề nghị áp dụng Điều 41/BLHS 1999 và Điều 106/BLTTHS 2015. Tịch thu tiêu hủy những vật chứng không có giá trị sử dụng; tạm giữ số tiền 430.000^d (*Bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) của Bùi Văn T để đảm bảo thi hành án; truy thu số tiền 1.000.000^d (*Một triệu đồng*) của bị cáo là tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước; tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen có gắn sim. *Về án phí:* Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Quá trình tranh luận, bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong các ngày 06, 07 và 08/6/2017, tại tổ A, phường B, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Bùi Văn T đã có hành vi bán trái phép chất ma túy (hê rô in) cho Triệu Văn Q và Hoàng Văn Â 03 lần, tổng số tiền thu được là 1.000.000^d (*Một triệu đồng*). Khám xét nhà ở và người của Bùi Văn T thu giữ được 1,44gam Hê rô in; số tiền 430.000^d và một số vật chứng khác.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tổng hợp các chứng cứ lại, đánh giá diễn biến khách quan của vụ án thấy việc truy tố, xét xử bị cáo Bùi Văn T (tên gọi khác là Bùi Duy C) về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 194/BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền quản lý, sử dụng chất gây nghiện của Nhà nước; là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; được hưởng tình tiết giảm nhẹ là *thành khẩn khai báo* được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015.

* *Hình phạt bổ sung*: Xét thấy qua xác minh bị cáo Bùi Văn T không có tài sản gì, khi áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền thì không có tính khả thi, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2] Về vật chứng: Gồm có: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 97B-476.56 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên N T H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen có gắn sim; 05 phong bì niêm phong (01 phong bì niêm phong

ký hiệu M6 bên trong có chứa vật chứng có khối lượng 0,1 gam cùng phong bì cũ A1 và giấy gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M8 bên trong có chứa vật chứng có khối lượng 0,07 gam cùng phong bì cũ A2 và giấy gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M10 bên trong có chứa vật chứng có khối lượng 1,04 gam cùng phong bì cũ A3 và giấy gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M2 bên trong có chứa phong bì và giấy gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M4 bên trong có chứa phong bì và giấy gói cũ); 17 chiếc xi lanh nhựa chưa qua sử dụng; 26 lọ nước cất chưa qua sử dụng; 05 vỏ đựng xi lanh đã bị xé rách; số tiền 430.000^d (*Bốn trăm ba mươi nghìn*).

Qua xác minh thì chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 97B-476.56 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị H đây là tài sản của chị Nguyễn Thị H là vợ của bị cáo T, khi bị cáo T sử dụng chiếc xe này để bán ma túy nhưng chị H không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp. Còn 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen có gắn sim; là của bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước; đối với số tiền 430.000^d (*Bốn trăm ba mươi nghìn*) là của bị cáo T cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 1.000.000^d (*Một triệu đồng*) là tiền do bán ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước; Tịch thu tiêu hủy những vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 05 phong bì niêm phong; 17 chiếc xi lanh nhựa chưa qua sử dụng; 26 lọ nước cất chưa qua sử dụng; 05 vỏ đựng xi lanh đã bị xé rách. (Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố F).

[3] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với Triệu Văn Q và Hoàng Văn A là người mua ma túy với bị cáo để sử dụng, nhưng hành vi của Q và A chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến Công an xã, phường nơi các đối tượng trên cư trú để quản lý người nghiện theo quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc ma túy để bán cho Q và A và thu giữ tại nhà của bị cáo, bị cáo T khai mua của một người phụ nữ tên Đ (không rõ địa chỉ) ở khu vực bờ đê, đường M

thuộc phường B, thành phố F với giá 1.000.000^d (*Một triệu đồng*) vào ngày 06/6/2017. Quá trình điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể của người tên Đ, nên không có cơ sở để xử lý.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập: Các hành vi, quyết định tố tụng và các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập đầy đủ, chính xác và đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Tuyên bố:* Bị cáo Bùi Văn T (tên gọi khác là Bùi Duy C) phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194/BLHS năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt, tạm giam 08/6/2017.

* *Về vật chứng:* - Áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy 05 phong bì niêm phong (01 phong bì niêm phong ký hiệu M6 bên trong có chứa vật chứng có khối lượng 0,1 gam cùng phong bì cũ A1 và giấy gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M8 bên trong có chứa vật chứng có khối lượng 0,07 gam cùng phong bì cũ A2 và giấy gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M10 bên trong có chứa vật chứng có khối lượng 1,04 gam cùng phong bì cũ A3 và giấy gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M2 bên trong có chứa phong bì và giấy gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M4 bên trong có chứa phong bì và giấy gói cũ); 17 chiếc xi lanh nhựa chưa qua sử dụng; 26 lọ nước cất chưa qua sử dụng; 05 vỏ đựng xi lanh đã bị xé rách.

+ Tạm giữ số tiền 430.000^d (*Bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) của Bùi Văn T để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen có gắn sim. (Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố F ngày 08 và ngày 11/01/2018).

+ Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp lại số tiền 1.000.000^d (Một triệu đồng) là tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Việc thi hành án khoản tiền này được thực hiện theo Điều 357/BLDS về việc tính lãi suất.

* *Về án phí*: - Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh 1;
- VKSND thành phố 2;
- Công an thành phố 1;
- Trại tạm giam tỉnh 1;
- Chi cục THA thành phố 1;
- Sở tư pháp tỉnh 1;
- Bị cáo 1;
- Hồ sơ 1;
- Lưu VP 1.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vi Hồng Lễ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh 1;
- VKSND thành phố 2;
- Công an thành phố 2;
- Trại tạm giam tỉnh 1;
- Chi cục THA thành phố 1;
- Sở tư pháp tỉnh 1;
- Bị cáo 2;
- Hồ sơ 1;
- Lưu 1.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vi Hồng Lễ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16h 00' ngày 29 tháng 01 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Liêm và bà Nông Thị Phương Lê.

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/TLST-HS ngày 26/12/2017. Đối với :

Bị cáo Bùi Văn Thắng (tên gọi khác Bùi Duy Chiến) – Sinh năm 1973, tại Bắc Kạn.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1, *Về tội danh:* Bị cáo Bùi Văn Thắng (tên gọi khác là Bùi Duy Chiến) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2, *Về điều luật áp dụng:* Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194/ BLHS năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3, *Về mức hình phạt:* Xử phạt bị cáo Bùi Văn Thắng 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 08/6/2017.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4, *Các vấn đề khác*: Tiếp tục giam bị cáo Bùi Văn Thắng 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

* *Về vật chứng*: - Áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy 05 phong bì niêm phong (01 phong bì niêm phong ký hiệu M6 bên trong có chứa vật chứng có khối lượng 0,1 gam cùng phong bì cũ A1 và giấy gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M8 bên trong có chứa vật chứng có khối lượng 0,07 gam cùng phong bì cũ A2 và giấy gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M10 bên trong có chứa vật chứng có khối lượng 1,04 gam cùng phong bì cũ A3 và giấy gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M2 bên trong có chứa phong bì và giấy gói cũ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M4 bên trong có chứa phong bì và giấy gói cũ); 17 chiếc xi lanh nhựa chưa qua sử dụng; 26 lọ nước cất chưa qua sử dụng; 05 vỏ đựng xi lanh đã bị xé rách.

+ Tạm giữ số tiền 430.000^d (*Bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) của bị cáo Bùi Văn Thắng để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen có gắn sim. (Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn ngày 08 và ngày 11/01/2018).

+ Buộc bị cáo Bùi Văn Thắng phải nộp lại số tiền 1.000.000^d (*Một triệu đồng*) là tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước. Việc thi hành án khoản tiền này được thực hiện theo Điều 357/BLDS về việc tính lãi suất.

* *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Văn Thắng phải chịu 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Văn Liêm – Lý Văn Chính

Vi Hồng Lễ